| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1145 /QĐ-UBND | *Đắk Lắk, ngày 17 tháng 5 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị mới trung tâm phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và Quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, Quy hoạch đô thị và Quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 02/8/2005 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng chi tiết khu đô thị mới Trung tâm phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị mới Trung tâm phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 110/TTr-SXD ngày 04/5/2019,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh khoản 1 Điều 1 Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị mới Trung tâm phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, với các nội dung như sau:

**1. Khoản 1 Điều 1 được điều chỉnh như sau:**

"5.2. Cơ cấu sử dụng đất đai:

| STT | Loại đất | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| **A** | **Đất xây dựng các khu chức năng thuộc đơn vị ở** | **147,10** | **55,20** |
| 1 | Đất ở | 135,61 | 50,89 |
| - | *Nhà ở hiện trạng chỉnh trang* | *35,46* | *13,31* |
| - | *Nhà ở liên kế* | *59,61* | *22,36* |
| - | *Nhà ở biệt thự* | *2,63* | *0,99* |
| - | *Nhà vườn* | *7,25* | *2,72* |
| - | *Nhà ở chung cư* | *3,71* | *1,39* |
| - | *Nhà ở mới* | *26,95* | *10,12* |
| 2 | Đất công trình công cộng - dịch vụ | 5,73 | 2,15 |
| - | *Công trình giáo dục* | *3,27* | *1,23* |
| - | *Công trình công cộng, dịch vụ* | *2,46* | *0,92* |
| 3 | Đất cây xanh, vườn hoa | 5,76 | 2,16 |
| **B** | **Đất xây dựng các khu chức năng phục vụ chung đô thị** | **119,40** | **44,80** |
| 1 | Đất công trình công cộng | 17,85 | 6,70 |
| 2 | Đất thương mại dịch vụ | 12,56 | 4,71 |
| 3 | Đất công trình giáo dục | 2,84 | 1,07 |
| 4 | Đất cây xanh công viên, thể dục thể thao | 15,08 | 5,66 |
| 5 | Đất cây xanh cách ly | 14,34 | 5,38 |
| 6 | Đất giao thông đô thị | 54,23 | 20,34 |
| 7 | Đất bãi đậu xe | 1,32 | 0,50 |
| 8 | Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật | 1,18 | 0,44 |
| | **Tổng cộng** | **266,50** | **100,00** |

**5.3. Phân khu chức năng:**

- Khu chức năng đất ở mới, diện tích 6,69ha, ký hiệu DOM-01 (Điều chỉnh từ khu chức năng đất công cộng thực hiện chính sách xã hội hóa thể thao, diện tích 6,69ha, ký hiệu C6.2).

- Khu chức năng đất ở mới, diện tích 5,31ha, ký hiệu DOM-02 (Điều chỉnh từ khu chức năng đất công cộng thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục, diện tích 5,31ha, ký hiệu C6.3).

- Khu chức năng đất ở mới, diện tích 2,62 ha, ký hiệu DOM-03 (Điều chỉnh từ khu chức năng đất thương mại dịch vụ bố trí cho các cơ sở sản xuất kinh doanh không gây ô nhiễm, diện tích 2,62 ha, ký hiệu CN6.1).

- Khu chức năng đất ở mới, diện tích 2,53ha, ký hiệu DOM-04 (Điều chỉnh từ khu chức năng đất thương mại dịch vụ bố trí cho các cơ sở sản xuất kinh doanh không gây ô nhiễm, diện tích 2,53ha, ký hiệu CN6.2).

- Khu chức năng đất ở liên kế phát triển theo dự án, diện tích 7,99ha, ký hiệu N5.6, N6.1 (Không điều chỉnh).

- Khu chức năng đất ở liên kế thương mại, diện tích 12,13ha, ký hiệu N3.5, N3.7, N3.8, N5.3, N5.4 (Không điều chỉnh).

- Khu chức năng đất ở liên kế bố trí tái định cư có thiết kế đô thị riêng, diện tích 3,18ha, ký hiệu N7.5, N7.24 (Không điều chỉnh).

- Khu chức năng đất công cộng thể thao để xây dựng sân golf, diện tích 10,77ha, ký hiệu C6.4 (Không điều chỉnh).

- Khu chức năng đất bố trí cho các doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư dự án và trụ sở của các Hội của tỉnh, diện tích 5,93ha, ký hiệu C7.5, C7.6, C7.7 (Không điều chỉnh).

- Khu chức năng đất ở liên kế, diện tích 5,93ha, ký hiệu N7.21, N7.22, N7.23 (Không điều chỉnh).

- Phân khu chức năng tại các khu vực còn lại: Thực hiện theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 02/8/2005 của UBND tỉnh."

**2. Các nội dung khác:** Thực hiện theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 02/8/2005 và Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh.

**Điều 2.** Giao Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột chịu trách nhiệm thông báo nội dung điều chỉnh nêu trên, để nhân dân trong khu vực được biết, thực hiện và giám sát.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BQLDAĐTXDCTĐ&CN tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công báo; Website tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: VT, CN(V-15).

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Cảnh**